

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2026/DS-ST
Ngày: 01-6-2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Diên.
2. Ông Đặng Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2025/TLST-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2026/QĐST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N. Địa chỉ: Số B đường L, phường G, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện của ông Phạm Toàn V: Ông Lê Đình L. Căn cước công dân số 080077017384. Chức vụ: Giám đốc A chi nhánh T. (Văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-NHN_o-PC ngày 01/12/2022).

Người đại diện của ông Lê Đình L: Ông Đỗ Đức L1. Căn cước công dân số 036075012132. Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N – chi nhánh T (Văn bản ủy quyền ngày 29/5/2025).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Hữu H, sinh ngày 11/7/1981. Căn cước công dân số 080081016777.

2.2. Bà Nguyễn Thị Hoàng O, sinh ngày 20/4/1989. Căn cước công dân số 086189006217.

Cùng địa chỉ: Số C ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

(Tất cả các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N và trong quá trình tố tụng đại diện nguyên đơn, ông Đỗ Đức L1, có ý kiến như sau:

Ngày 03/11/2022 Ngân hàng N có cho ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Hoàng O vay số tiền 180.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 6602LAV202202482, thời gian vay 36 tháng, lãi suất trong hạn là 11,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay.

Ngân hàng và ông H, bà O có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BT2022035/HĐTC ngày 03/11/2022. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 871, tờ bản đồ số 17, tọa lạc xã T, tỉnh Tây Ninh.

Sau khi giải ngân, ông H và bà O có trả được số tiền 10.000.000 đồng.

Quá trình vay, ngày 03/5/2025 H và bà O đã vi phạm hợp đồng nên ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn. Ngày 17/4/2026, bà O và ông H có trả được số tiền 10.000.000 đồng.

Ngân hàng N yêu cầu ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Hoàng O hoàn trả số tiền tạm tính đến ngày 01/6/2026 là 176.722.088 đồng.

Tiếp tục hợp đồng bảo đảm BT2022035/HĐTC ngày 03/11/2022 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 871, tờ bản đồ số 17, tọa lạc xã T, tỉnh Tây Ninh để đảm thi hành án.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng O có đơn đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu K vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Tây Ninh phát biểu:

Về hình thức: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Hoàng O.

- Buộc ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Hoàng O liên đới thanh toán cho Ngân hàng N gồm tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 01/6/2026 là 176.722.088 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Hoàng O không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BT2022035/HĐTC ngày 03/11/2022.

- Chi phí tố tụng: Ông H và bà O phải liên đới chịu chi phí tố tụng theo quy định.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông H và bà O phải liên đới chịu án phí trên số tiền phải trả cho Ngân hàng. Ngân hàng không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Hoàng O phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và tiền phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà ông H và bà O đã ký kết với Ngân hàng; hiện ông H và bà O đang sinh sống tại xã T, tỉnh Tây Ninh nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh

quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Đại diện cho Ngân hàng N và bà Nguyễn Thị Hoàng O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn ông Nguyễn Hữu H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu K nhưng ông H, bà ông K vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ngân hàng N yêu cầu ông H và bà O trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 01/6/2026 là 176.722.088 đồng (trong đó tiền gốc 160.000.000 đồng, tiền lãi 16.722.088 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 6602LAV202202482 ngày 03/11/2022.

[3.1] Xét, Hợp đồng tín dụng số 6602LAV202202482 ngày 03/11/2022 được ký kết giữa ông H, bà O với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, khi ký hợp đồng nêu trên các bên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nội dung thỏa thuận phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết.

[3.2] Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt cho ông H, bà O thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Trong các văn bản này, Tòa án đã nêu rõ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng cũng như các tài liệu, chứng cứ do ngân hàng đã nộp. Ông H, bà O không có ý kiến phản đối gì. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, có căn cứ xác định hiện ông H, bà O còn nợ số tiền vay của ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 6602LAV202202482 ngày 03/11/2022 mà các bên đã ký kết. Căn cứ Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông H và bà O đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo Điều 6 của Hợp đồng tín dụng là bên vay chậm thanh toán tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng, ngân hàng được quyền thu hồi nợ trước hạn. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H và bà O có nghĩa vụ thanh

toán cho ngân hàng tổng cộng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 01/6/2026 là 176.722.088 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Xét, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BT2022035/HĐTC ngày 03/11/2022 để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 6602LAV202202482 ngày 03/11/2022. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 871, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) và công trình trên đất. Khi ký kết hợp đồng thế chấp, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 03/11/2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Long An theo đúng quy định pháp luật. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2026, trên đất hiện có trồng thanh long. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H và ông K là những người đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất để làm rõ quyền sở hữu đối với cây trồng trên đất nhưng các đương sự đều vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sở hữu. Bà Nguyễn Thị Hoàng O trình bày đã cho ông K sử dụng đất để trồng thanh long từ năm 2021, tuy nhiên không có tài liệu, chứng cứ chứng minh số cây thanh long là tài sản thuộc sở hữu của ông H, bà O hoặc đã được dùng làm tài sản bảo đảm cho Ngân hàng. Do chưa có căn cứ xác định chủ sở hữu đối với cây thanh long trên đất nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp phát sinh tranh chấp về quyền sở hữu đối với cây thanh long hoặc tài sản khác trên đất khi xử lý tài sản bảo đảm thì các cá nhân, tổ chức có liên quan có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật. Vì vậy, trường hợp ông H và bà O không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 871, tờ bản đồ số 17 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

[4] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Lời trình bày của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), Ngân hàng đã nộp tạm ứng. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên buộc ông H và bà O phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền

1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo quy định tại Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[7.1] Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên buộc ông H và bà O phải chịu án phí tính trên số tiền phải thanh toán tiền là 8.836.104 đồng.

[7.2] Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 168, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Hoàng O.

1.1. Buộc ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Hoàng O phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 01/6/2026 là 176.722.088 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, không trăm tám mươi tám đồng).

1.2. Kể từ ngày 02/6/2026, ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Hoàng O còn phải tiếp tục liên đới trả tiền lãi trên số tiền còn phải thanh toán Ngân hàng N theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 6602LAV202202482 ngày 03/11/2022.

1.3. Trường hợp ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Hoàng O không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ trên thì Ngân hàng N yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BT2022035/HĐTC ngày 03/11/2022, số công chứng 4168, quyền số 05/2022 TP/CC-SCC/HDGD do Văn phòng C chứng nhận để thu hồi nợ.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Buộc ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Hoàng O phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Hoàng O phải liên đới nộp số tiền 8.836.104 đồng (Tám triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, một trăm lẻ bốn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

3.2. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.286.154 đồng (Bốn triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, một trăm năm mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0011495 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 5-Tây Ninh;
- THA DS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa

